

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quân;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 6, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước, có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp CN, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý, ngày 30/3/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tôn trọng và yêu thương nhau, hiện nay bà C và ông T đã sống ly thân. Nay, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà C yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà C và ông T có 01 con chung tên Vũ Minh T, sinh ngày 13/12/2015. Khi ly hôn bà C xin được nuôi con, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11/11/2020 và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Vũ Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà C là đúng. Tuy nhiên, ông T nhận thấy vẫn còn thương yêu bà C nên ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà C và ông T có 01 con chung tên Vũ Minh T, sinh ngày 13/12/2015. Nếu Tòa án cho bà C và ông T ly hôn thì ông T xin được nuôi con, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã áp dụng đầy đủ đúng quy định của pháp luật, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà C yêu cầu được ly hôn với ông Tuấn, xét mâu thuẫn giữa bà C và ông T không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, về con chung tên Vũ Minh T, sinh ngày 13/12/2015 còn nhỏ, hiện nay bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Minh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, do bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu nên Viện Kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà C yêu cầu ly hôn với ông T, hiện nay ông T có hộ khẩu thường trú tại xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà C và ông T có tìm hiểu nhau, có tổ chức đám cưới và được cha mẹ hai bên đồng ý, ngày 30/3/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh Bình Phước. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm, không tôn trọng và yêu thương nhau, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu quậy phá, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Ngày 08/12/2020, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương thấy rằng, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T không báo nên chính quyền địa phương không biết, về vấn đề con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà C và ông T có 01 con chung tên Vũ Minh T, sinh ngày 13/12/2015. Xét cháu Vũ Minh T hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, từ khi sinh ra tới nay cháu T được bà C trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Vũ Minh T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc ly hôn với ông Vũ Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Vũ Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Vũ Minh T, sinh ngày 13/12/2015 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Vũ Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị C và ông Vũ Xuân T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có đơn yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị C đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043676 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;
- (Số: 65/2013, quyền số: 01, ngày 30/5/2013);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tiến Lợi